

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Sừ	Thành viên
Ông Vũ Thắng Bình	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2016

2500
G T
M HỮU
ITT
NAM
TP. V

Số: 172 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ với số tiền khoảng 586 triệu VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 4 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 3,4 tỷ VND; trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 586 triệu VND.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNGThôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.488.719.303	31.105.196.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.523.429.166	17.477.248.695
1. Tiền	111		523.429.166	6.477.248.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.815.654.966	5.983.389.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.805.203.427	7.497.672.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		300.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	263.547.639	205.533.195
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.553.096.100)	(1.719.816.100)
III. Hàng tồn kho	140	9	10.149.635.171	7.627.892.208
1. Hàng tồn kho	141		10.149.635.171	7.627.892.208
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.666.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	16.666.667
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.240.665.855	37.379.842.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.527.372.782	6.585.539.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	7.527.372.782	6.585.539.340
II. Tài sản cố định	220		27.223.298.145	30.204.515.914
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.523.457.920	14.084.579.179
- Nguyên giá	222		27.548.298.394	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.024.840.474)	(12.727.111.030)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	13.699.840.225	16.119.936.735
- Nguyên giá	228		31.177.927.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.478.087.712)	(15.057.991.202)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		141.233.513	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		141.233.513	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		348.761.415	589.787.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	348.761.415	589.787.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		64.729.385.158	68.485.039.303

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNGThôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.495.280.186	39.793.374.099
I. Nợ ngắn hạn	310		21.753.671.186	26.051.765.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.082.697.970	5.269.654.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		624.286.366	283.488.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.120.281.120	10.972.226.550
4. Phải trả người lao động	314		5.458.959.800	8.008.635.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		167.623.120	233.328.720
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	230.399.858	226.464.958
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.069.422.952	1.057.965.151
II. Nợ dài hạn	330		13.741.609.000	13.741.609.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	13.741.609.000	13.741.609.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.234.104.972	28.691.665.204
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	29.234.104.972	28.691.665.204
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.174.100.000	17.174.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		536.512.500	536.512.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.523.492.472	10.981.052.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.863.642.704	569.818.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.659.849.768	10.411.234.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		64.729.385.158	68.485.039.303

Trần Thị Vân
Người lập biểuNguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởngĐào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	62.625.084.160	115.641.221.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		62.625.084.160	115.641.221.217
4. Giá vốn hàng bán	11	20	46.737.591.879	88.515.598.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.887.492.281	27.125.622.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	233.499.146	426.014.444
7. Chi phí bán hàng	25	23	2.293.234.916	7.264.515.648
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.429.560.100	11.351.301.807
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - (25 + 26))	30		7.398.196.411	8.935.819.514
10. Thu nhập khác	31		44.730.100	96.127.272
11. Chi phí khác	32		279.114.300	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(234.384.200)	96.127.272
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.163.812.211	9.031.946.786
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.503.962.443	1.992.147.121
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		5.659.849.768	7.039.799.665
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.296	4.009

Trần Thị Vân
Người lập biểuNguyễn Hữu Khiêm
Kê toán trưởngĐào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	65.920.859.350	128.352.273.800
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28.413.252.955)	(58.142.296.582)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.332.792.600)	(35.539.888.900)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.977.830.167)	(1.418.465.895)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	464.425.700	645.293.416
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.162.811.272)	(20.715.413.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.501.401.944)	13.181.502.086
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(950.591.092)	(11.508.959.870)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	215.583.507	397.417.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(735.007.585)	(11.111.542.114)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.717.410.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.717.410.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.953.819.529)	2.069.959.972
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.477.248.695	23.914.054.719
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9.523.429.166	25.984.014.691



Trần Thị Vân
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 412 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, đồi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 28, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu bao gồm giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

500
3 T
H HỮU
ITT
NAM
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	135.828.200	221.858.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	387.600.966	6.255.389.995
Các khoản tương đương tiền (i)	9.000.000.000	11.000.000.000
	<u>9.523.429.166</u>	<u>17.477.248.695</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Tư doanh Vận tải Hồng Lạc	3.212.070.877	1.209.544.877
Công ty TNHH Hưng Hòa	859.915.150	853.133.500
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Đức Thắng	656.670.000	463.452.000
Công ty TNHH Một thành viên Trọng Khách	641.592.000	350.652.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phương Hoàng	464.314.000	1.141.599.000
Phải thu các khách hàng khác	4.970.641.400	3.479.290.700
	10.805.203.427	7.497.672.077

7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	263.547.639	205.533.195
- Phải thu người lao động	205.632.000	205.533.195
- Phải thu khác	57.915.639	-
b) Dài hạn	7.527.372.782	6.585.539.340
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	7.527.372.782	6.585.539.340
	7.790.920.421	6.791.072.535

8. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/6/2016			31/12/2015		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến Bắc Ninh	285.840.600	-	Trên 3 năm	325.840.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	513.484.700	15.000.000	Trên 2 năm	655.204.700	30.000.000	Trên 2 năm
	1.568.096.100	15.000.000		1.749.816.100	30.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	877.558.097	-	1.221.632.485	-
Công cụ, dụng cụ	13.594.791	-	6.886.466	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.009.940	-	1.628.434	-
Thành phẩm	9.218.472.343	-	6.397.744.823	-
	10.149.635.171	-	7.627.892.208	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	214.264.778	376.598.502
Chi phí hỗ trợ đền bù	90.096.637	146.588.805
Chi phí khác	44.400.000	66.600.000
	348.761.415	589.787.307

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	7.881.075.491	16.360.324.493	2.310.187.829	260.102.396	26.811.690.209
Tăng trong kỳ	-	600.000.000	-	-	600.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	136.608.185	-	-	136.608.185
Tại ngày 30/6/2016	7.881.075.491	17.096.932.678	2.310.187.829	260.102.396	27.548.298.394

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2016 (Trình bày lại)	5.014.775.633	6.128.388.979	1.371.879.922	212.066.496	12.727.111.030
Khấu hao trong kỳ	315.795.060	827.669.872	146.315.514	7.948.998	1.297.729.444
Tại ngày 30/6/2016	5.330.570.693	6.956.058.851	1.518.195.436	220.015.494	14.024.840.474

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2016	2.550.504.798	10.140.873.827	791.992.393	40.086.902	13.523.457.920
Tại ngày 31/12/2015 (Trình bày lại)	2.866.299.858	10.231.935.514	938.307.907	48.035.900	14.084.579.179

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 5.869.281.066 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.869.281.066 VND).

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
Tại ngày 30/6/2016	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	7.497.637.308	7.560.353.894	15.057.991.202
Khấu hao trong kỳ	1.486.072.641	934.023.869	2.420.096.510
Tại ngày 30/6/2016	8.983.709.949	8.494.377.763	17.478.087.712
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	8.452.608.988	5.247.231.237	13.699.840.225
Tại ngày 31/12/2015	9.938.681.629	6.181.255.106	16.119.936.735

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền khoảng 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Tài sản này được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 412.167.094 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 412.167.094 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	539.773.813	4.002.107.169	4.050.908.136	490.972.846
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.045.132.669	1.503.962.443	2.977.830.167	571.264.945
- Thuế thu nhập cá nhân	72.132.510	296.461.700	283.479.510	85.114.700
- Thuế tài nguyên	738.662.775	2.402.761.200	2.356.054.000	785.369.975
- Phí bảo vệ môi trường	245.733.500	1.163.476.000	1.220.749.200	188.460.300
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	43.661.500	-	43.661.500
- Tiền thuê đất	-	2.073.625.000	1.749.123.000	324.502.000
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.330.791.283	-	699.856.429	6.630.934.854
	10.972.226.550	11.489.055.012	13.341.000.442	9.120.281.120

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thống Nhất	526.917.500	526.917.500	1.057.390.100	1.057.390.100
Công ty TNHH Một thành viên 6&9	853.165.000	853.165.000	671.856.100	671.856.100
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	552.291.400	552.291.400	781.785.200	781.785.200
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	455.011.392	455.011.392	602.878.320	602.878.320
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	373.787.568	373.787.568	488.328.984	488.328.984
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	280.453.600	280.453.600	928.385.900	928.385.900
Phải trả các đối tượng khác	1.041.071.510	1.041.071.510	739.030.350	739.030.350
	4.082.697.970	4.082.697.970	5.269.654.954	5.269.654.954

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	111.311.400	103.755.300
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	55.000.000	70.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.088.458	52.609.658
	<u>230.399.858</u>	<u>226.464.958</u>

16. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.741.609.000	13.741.609.000
	<u>13.741.609.000</u>	<u>13.741.609.000</u>
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.741.609.000	13.741.609.000

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	11.449.400.000	536.512.500	3.917.401.079	9.729.347.501	25.632.661.080
Tăng vốn trong năm	5.724.700.000	-	(3.917.401.079)	(1.807.298.921)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.551.609.176	15.551.609.176
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.700.000.000)	(3.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.587.050.000)	(8.587.050.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	17.174.100.000	536.512.500	-	11.186.607.756	28.897.220.256
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	(205.555.052)	(205.555.052)
Số dư tại ngày 01/01/2016 được trình bày lại	17.174.100.000	536.512.500	-	10.981.052.704	28.691.665.204
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	5.659.849.768	5.659.849.768
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành (ii)	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(1.717.410.000)	(1.717.410.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	17.174.100.000	536.512.500	-	11.523.492.472	29.234.104.972

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 28, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi một khoản tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 3.700.000.000 VND. Công ty đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 1.500.000.000 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính kỳ này là 2.200.000.000 VND.
- Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty với số tiền là 1.200.000.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính kỳ này.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 30% vốn điều lệ, tương đương với 5.152.230.000 VND. Công ty đã tạm ứng cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 3.434.820.000 VND, thanh toán phần còn lại cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính kỳ này là 1.717.410.000 VND.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	30/6/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015), vốn điều lệ của Công ty là 17.174.100.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	35,7%	6.131.160.000	35,7%
Ông Đỗ Quang Mạnh	453.750.000	2,6%	453.750.000	2,6%
Ông Đào Văn Dũng	366.900.000	2,1%	366.900.000	2,1%
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	273.450.000	1,6%	273.450.000	1,6%
Ông Trần Văn Sừ	339.450.000	2,0%	339.450.000	2,0%
Các cổ đông khác	9.609.390.000	56,0%	9.609.390.000	56,0%
Tổng cộng	17.174.100.000	100%	17.174.100.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm thực hiện	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01 năm 2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Công ty Vật tư Xây dựng và Vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 9 năm 2008	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11 năm 2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.625.084.160	115.641.221.217
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán đá thô	1.501.565.298	7.862.068.794
- Doanh thu bán đá chế biến	61.123.518.862	107.779.152.423
	62.625.084.160	115.641.221.217

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	46.737.591.879	88.515.598.692
	46.737.591.879	88.515.598.692

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.280.795.250	5.715.017.071
Chi phí nhân công	24.223.385.016	42.816.785.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.695.030.154	5.126.351.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.552.707.399	38.973.683.762
Chi phí khác bằng tiền	7.647.367.100	13.406.765.151
	58.399.284.919	106.038.602.734

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	215.583.507	397.417.756
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.915.639	28.596.688
	233.499.146	426.014.444

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.554.775.770	7.256.740.125
- Thuế, phí, lệ phí	129.688.250	1.387.561.708
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.343.270.276	1.317.833.100
- Chi phí bằng tiền khác	1.086.355.559	1.060.532.546
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	482.190.245	601.165.128
	6.596.280.100	11.623.832.607
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí thuê máy móc thiết bị, bốc xúc, vận chuyển	2.293.234.916	7.264.515.648
	2.293.234.916	7.264.515.648
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(166.720.000)	(272.530.800)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.163.812.211	9.031.946.786
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(4.832.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	356.000.000	28.100.000
Thu nhập chịu thuế	7.519.812.211	9.055.214.186
Thuế suất (i)	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.962.443	1.992.147.121
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.503.962.443	1.992.147.121

- (i) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.659.849.768	7.039.799.665
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	2.450.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.659.849.768	4.589.799.665
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.144.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.296	4.009

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.039.799.665	7.039.799.665
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng 1/2 số trích cả năm 2015)	-	2.450.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.039.799.665	4.589.799.665
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.144.940	1.144.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.149	4.009

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, vốn khác, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.523.429.166	17.477.248.695
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.779.480.109	12.363.395.317
Tổng cộng	26.302.909.275	29.840.644.012
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.137.697.970	5.339.754.954
Chi phí phải trả	167.623.120	233.328.720
Tổng cộng	4.305.321.090	5.573.083.674

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản nợ xấu như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.523.429.166	-	9.523.429.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.252.107.327	7.527.372.782	16.779.480.109
Tổng cộng	18.775.536.493	7.527.372.782	26.302.909.275
30/6/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.137.697.970	-	4.137.697.970
Chi phí phải trả	167.623.120	-	167.623.120
Tổng cộng	4.305.321.090	-	4.305.321.090
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.470.215.403	7.527.372.782	21.997.588.185

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.477.248.695	-	17.477.248.695
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.777.855.977	6.585.539.340	12.363.395.317
Tổng cộng	23.255.104.672	6.585.539.340	29.840.644.012
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.339.754.954	-	5.339.754.954
Chi phí phải trả	233.328.720	-	233.328.720
Tổng cộng	5.573.083.674	-	5.573.083.674
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.682.020.998	6.585.539.340	24.267.560.338

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015</u>
	<u>đến ngày 30/6/2016</u>	<u>đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Cổ tức chia cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	613.116.000	1.839.348.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*****Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị***

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	392.070.000	759.037.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	210.000.000	180.000.000

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Căn cứ theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty, số thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp và chi phí khấu hao của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có sự thay đổi như sau:

- Thuế tài nguyên phải nộp tăng thêm 408.449.375 VND;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 242.642.323 VND;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm 39.748.000 VND.

Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố những thay đổi trên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2015		
		Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định hữu hình	221	13.841.936.856	242.642.323	14.084.579.179
- Nguyên giá	222	26.811.690.209	-	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(12.969.753.353)	242.642.323	(12.727.111.030)
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.524.029.175	448.197.375	10.972.226.550
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.186.607.756	(205.555.052)	10.981.052.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	569.818.580	-	569.818.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	10.616.789.176	(205.555.052)	10.411.234.124

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)



Trần Thị Vân
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

